

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS-ST

Ngày 28 - 4- 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Thạch Văn Hòa

-Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 và ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 27 ngày 02 tháng 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ Ch, sinh năm 1971xx

Địa chỉ: ấp MT, xã TMỹ, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Văn S, sinh năm 19XX

Địa chỉ: ấp MT, xã TMỹ, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Văn Nh, sinh năm 19xx (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MT, xã TMỹ, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ Ch và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều trình bày:

Ngày 03/02/2022 (dương lịch) nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ Ch có cho bị đơn là ông Phan Văn S vay số tiền 160.000.000 đồng, khi nhận tiền bị đơn S tự tay viết biên nhận số tiền 160.000.000 đồng. Vào ngày nhận tiền giữa nguyên đơn và bị đơn S có thỏa thuận miệng là bị đơn hứa sẽ hoàn trả số tiền 160.000.000 đồng này cho nguyên đơn trong vòng 10 ngày. Nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất thỏa thuận nếu bị đơn S hoàn trả số tiền 160.000.000 đồng trong vòng 10 ngày thì nguyên đơn không tính lãi suất, nếu sau thời hạn 10 ngày không trả số tiền nêu trên cho nguyên đơn thì bị đơn phải chịu mức lãi suất là 3%/tháng đối với số tiền nêu trên.

Từ ngày vay, đến ngày 13/12/2022 (tức là 10 tháng 11 ngày), con của bị đơn là ông Phan Văn Nh có trả được cho nguyên đơn được số tiền là 40.000.000 đồng là tiền vốn. Hai tháng sau, khoảng ngày 13/02/2023 trả 03 lần tổng cộng là 20.000.000 đồng (Lần một trả 10.000.000 đồng và 02 lần sau mỗi lần là 5.000.000 đồng) trả bằng hình thức chuyển khoản). Từ đó cho đến nay, bị đơn không đóng tiền lãi và cũng không hoàn lại số tiền vốn cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã làm đơn yêu cầu tổ hòa giải ấp DT hòa giải vào ngày 08/10/2024 nhưng không thành.

Theo nội dung yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Ch yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Phan Văn S phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 316.800.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 32 tháng 20 ngày, lãi suất 3%/tháng với số tiền 160.000.000 đồng $\times$ 3%/tháng $\times$ 32 tháng 20 ngày = 156.800.000 đồng.

Nguyên đơn Ch đồng ý khấu trừ đi số tiền ông S và ông Nh đã trả cho nguyên đơn Ch trước đó là 60.000.000 đồng, còn lại số tiền là 316.800.000 đồng – 60.000.000 đồng = 256.800.000 đồng và đồng thời tiếp tục tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến khi xét xử vụ án theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn Ch xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn S phải trả tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn S phải trả tiền lãi theo mức lãi suất là 2%/tháng cụ thể được tính như sau:

Từ ngày 13/02/2022 đến ngày 13/12/2022 là: 160.000.000 đồng $\times$ 2%/tháng = 4.800.000 đồng.

Từ ngày 14/12/2022 đến ngày 13/02/2023 là 120.000.000 đồng $\times$ 2%/tháng = 52.726.000 đồng

Từ ngày 14/02/2023 đến ngày 24/4/2025 là 100.000.000 đồng $\times$ 2%/tháng = 32.000.000 đồng

Tổng cộng tiền lãi là: 89.526.000 đồng, nguyên đơn đồng ý trừ đi số tiền lãi mà bị đơn đã trả vào ngày 13/4/2022 (chuyển khoản) là 10.000.000 đồng. Cụ thể tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng cộng như sau: 89.526.000 – 10.000.000 đồng = 79.526.000 đồng

Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi nguyên đơn Ch yêu cầu bị đơn S phải trả là 179.526.000 đồng.

* Tại Biên bản hòa giải ngày 31 tháng 12 năm 2024 bị đơn ông Phan Văn S trình bày:

Vào ngày 03/02/2022 bị đơn có vay của bà Lê Thị Mỹ Ch số tiền vốn là 160.000.000 đồng, vay có làm biên nhận tiền. Bị đơn có nhận đủ số tiền 160.000.000 đồng. Mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng. Khi vay tiền bị đơn có hứa là 10 ngày sau sẽ trả, sau đó bị đơn không có tiền trả, vì vậy bị đơn có trả tiền lãi cho bà Ch vào ngày 13/02/2022 trả 8.000.000 đồng, bị đơn trực tiếp đến nhà bà Ch để trả tiền lãi, việc trả tiền lãi không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến. Ngày 13/4/2022 bị đơn trực tiếp đến Ngân hàng Sacombank Chi nhánh CT để chuyển số tiền lãi 10.000.000 đồng vào số tài khoản của bà Ch.

Do hoàn cảnh khó khăn bị đơn đi làm ăn xa và có xin bà Ch cho bị đơn được trả tiền vốn và bà Ch đồng ý. Tiếp đó, ngày 13/12/2022 bị đơn có đưa cho con trai là Phan Văn Nh trả cho bà Ch được số tiền là 40.000.000 đồng. Hai tháng sau, khoảng ngày 13/02/2023 trả 03 lần tổng cộng là 20.000.000 đồng (Lần một trả 10.000.000 đồng và 02 lần sau mỗi lần là 5.000.000 đồng) trả bằng hình thức chuyển khoản. Kể từ ngày 13/02/2023 bị đơn không trả được khoản tiền vốn và tiền lãi nào cho nguyên đơn. Tổng số tiền vốn đã trả cho bà Ch là 60.000.000 đồng, hiện tại còn nợ tiền vốn là 100.000.000 đồng.

Tại buổi hòa giải ở ấp bà Ch chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn là 100.000.000 đồng, chứ không yêu cầu phải trả tiền lãi, còn không bà Ch sẽ khởi kiện tại Tòa án. Do hoàn cảnh khó khăn bị đơn có xin được trả chậm tiền vốn. Vì vậy bị đơn xin được trả chậm số tiền này, nhưng bà Ch không đồng ý và bà Ch khởi kiện bị đơn. Nay bị đơn chỉ đồng ý trả cho bà Ch số tiền vốn là 100.000.000 đồng và xin được trả chậm số tiền nêu trên và không đồng ý trả tiền lãi.

* Tại Biên bản hòa giải ngày 31 tháng 12 năm 2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn Nh trình bày:

Thống nhất với ý kiến của cha là ông Phan Văn S, đúng là ngày 13/12/2022 ông có trực tiếp đến nhà gặp bà Ch để trả số tiền vốn gốc cho cha là ông S với số tiền là 40.000.000 đồng, bà Ch trực tiếp nhận. Nay do hoàn cảnh khó khăn ông xin bà Ch cho cha trả tiền vốn và yêu cầu được trả chậm số tiền nêu trên.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn là ông Phan Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn Nh đều vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền tổng cộng là 256.800.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn Ch chỉ yêu cầu bị đơn S phải trả số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 2%/tháng tiền lãi tổng cộng là 89.526.000 đồng, nguyên đơn đồng ý trừ đi 10.000.000 đồng tiền lãi mà bị đơn đã trả, hiện tại tiền lãi còn lại là 79.526.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 179.526.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ch, về việc yêu cầu bị đơn là ông Phan Văn S phải trả cho bà số tiền vốn và tiền lãi tổng cộng là 179.526.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp được bản chính: Biên nhận ngày 03/02/2022 có tên và chữ ký Phan Văn S. Qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ch, cụ thể: Buộc bị đơn S có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ch tiền vốn vay là 92.656.000 đồng và tiền lãi 32.199.127 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 124.855.127 đồng và không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ch về việc yêu cầu bị đơn S phải trả tiền vốn và tiền lãi là 54.670.873 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 22/10/2024, nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ Ch yêu cầu bị đơn là ông Phan Văn S phải trả số tiền vốn còn nợ lại là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 79.526.000 đồng theo biên nhận ngày 03/02/2022 và bị đơn có địa chỉ tại ấp MT, xã TMỹ, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng. Nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Phan Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ Ch yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông S và ông Nh theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 và Khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn Ch xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn S phải trả tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 3%/tháng với số tiền lãi là 156.800.000 đồng, tổng cộng là 256.800.000 đồng. Nay nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn S trả tiền vốn vay còn nợ lại là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 2%/tháng với số tiền lãi là 79.526.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 179.526.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện, căn cứ vào Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về nội dung vụ án:

[4] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Mỹ Ch đòi bị đơn Phan Văn S phải trả số tiền vốn vay còn nợ lại là 100.000.000 đồng và tiền lãi được tính từ như sau: Ngày 13/02/2022 đến ngày 13/12/2022 là: 160.000.000 đồng x 2%/tháng = 4.800.000 đồng; Từ ngày 14/12/2022 đến ngày 13/02/2023 là 120.000.000 đồng x 2%/tháng = 52.726.000 đồng; Từ ngày 14/02/2023 đến ngày 24/4/2025 là 100.000.000 đồng x 2%/tháng = 32.000.000 đồng, theo biên nhận ngày 03/02/2022 và nguyên đơn đồng ý trừ đi số tiền lãi mà bị đơn đã trả vào ngày 13/4/2022 số tiền là 10.000.000 đồng và hiện tại tiền lãi sẽ là 89.526.000 đồng - 10.000.000 đồng = 79.526.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 179.526.000 đồng.

Tại phiên hòa giải bị đơn đều thừa nhận ngày 03/02/2022 (dương lịch) bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền vốn vay là 160.000.000 đồng và bị đơn có trả tiền lãi cho nguyên đơn vào ngày 13/02/2022 trả số tiền lãi là 8.000.000

đồng, ngày 13/4/2022 bị đơn trả tiền lãi 10.000.000 đồng, ngày 13/12/2022 bị đơn có đưa cho ông Nh (ông S là con trai bị đơn) trả cho bà Ch được số tiền là vốn là 40.000.000 đồng và hai tháng sau, khoảng ngày 13/02/2023 trả 03 lần tổng cộng là 20.000.000 đồng (Lần 10.000.000 đồng và 02 lần sau mỗi lần là 5.000.000 đồng) trả bằng hình thức chuyển khoản. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc bị đơn đã vay của nguyên đơn 160.000.000 đồng tiền vốn vay là có thật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ch thì thấy rằng: Việc vay tiền giữa các bên có xảy ra trên thực tế, thể hiện tại tờ biên nhận do bị đơn Phan Văn S đã viết, ký tên ngày 03/02/2022 (dương lịch) với số tiền vốn vay là 160.000.000 đồng, biên nhận không xác định thời hạn vay, không có thỏa thuận tiền lãi. Nội dung của giấy biên nhận và số tiền còn nợ lại nêu trên phù hợp với nội dung tại phiên hòa giải tại Tòa án, bị đơn đều thừa nhận vào ngày 03/02/2022 bị đơn có làm giấy biên nhận tại nội dung của giấy biên nhận không xác định thời hạn trả nợ và tiền lãi. Tuy nhiên, trong quá trình vay bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 60.000.000 đồng tiền vốn và một phần tiền lãi. Do bị đơn không thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đã quy định bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Các bên đương sự đều thừa nhận thời hạn vay tài sản theo thỏa thuận của biên nhận là không xác định thời hạn, nhưng nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận miệng trong thời hạn 10 ngày từ ngày vay nếu bị đơn trả số tiền này đúng hạn thì không phải trả lãi, nếu trả không đúng hạn thì bị đơn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất là 3%/tháng, trả lãi hàng tháng, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu đòi bị đơn Sáng phải trả số tiền vốn vay còn nợ lại của bà Châu là có căn cứ.

[6] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Ch, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại tờ biên nhận ngày 03/02/2022 các bên đương sự đều không có thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên trong quá trình hòa giải các đương sự đều thừa nhận có thỏa thuận miệng về lãi suất là 3%/tháng là quá cao theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tại phiên hòa giải các đương sự đều thừa nhận từ khi vay đến nay bị đơn có đóng lãi cho nguyên đơn được số tiền là 10.000.000 đồng vào ngày 13/4/2022. Như vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463; Điều 465; Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay và tiền lãi cụ thể như sau:

Tiền lãi trên số tiền vốn vay 160.000.000 đồng được tính từ ngày 13/02/2022 đến ngày 13/4/2022 với mức lãi suất là 0,83%/tháng cụ thể như sau:

$160.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 2.656.000 \text{ đồng}$. Do ông S đã đóng được 10.000.000 đồng nên còn thừa lại số tiền $10.000.000 \text{ đồng} - 2.656.000 \text{ đồng} = 7.344.000 \text{ đồng}$. Số tiền 7.344.000 đồng được khấu trừ vào số tiền vốn vay là 160.000.000 đồng, cụ thể: $160.000.000 \text{ đồng} - 7.344.000 \text{ đồng} = 152.656.000 \text{ đồng}$.

Tiền lãi trên số tiền vốn vay 152.656.000 đồng được tính từ ngày 14/4/2022 đến ngày 12/12/2022 với mức lãi suất là 0,83%/tháng cụ thể như sau: $152.656.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 7 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} = 10.051.889 \text{ đồng}$.

Ngày 13/12/2022 trả tiền vốn được 40.000.000 đồng. Do đó, tiền lãi trên số tiền vốn vay 112.656.000 đồng được tính từ ngày 13/12/2022 đến ngày 12/02/2023 với mức lãi suất là 0,83%/tháng cụ thể như sau: $112.656.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} 30 \text{ ngày} = 1.870.090 \text{ đồng}$

Ngày 13/02/2023 trả tiền vốn được 20.000.000 đồng. Do đó, tiền lãi trên số tiền vốn vay 92.656.000 đồng được tính từ ngày 13/02/2023 đến ngày 24/4/2025 với mức lãi suất là 0,83%/tháng cụ thể như sau: $92.656.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm} 02 \text{ tháng} 11 \text{ ngày} = 20.277.148 \text{ đồng}$.

Như vậy, ông Sáng có trách nhiệm trả cho bà Ch số tiền vốn vay là 92.656.000 đồng và tiền lãi là 32.199.127 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 124.855.127 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ch, buộc bị đơn S phải trả cho nguyên đơn 92.656.000 đồng tiền vốn và tiền lãi là 32.199.127 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là: 124.855.127 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

[7] Tại phiên Hòa giải bị đơn Sáng thừa nhận còn nợ nguyên đơn Ch, số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, các bên có viết giấy nhận nợ ngày 03/02/2022 và kể từ ngày vay số nợ nêu trên ngày 13/02/2022 bị đơn có trực tiếp đến nhà nguyên đơn để trả cho nguyên đơn được số tiền lãi là 8.000.000 đồng và ngày 13/4/2022 bị đơn cho nguyên đơn số tiền lãi là 10.000.000 đồng (chuyển khoản), việc bị đơn trả số tiền lãi 8.000.000 đồng cho nguyên đơn không có làm biên nhận, không có người làm chứng và cũng không cung cấp được những tài liệu chứng cứ, chứng minh việc bị đơn đã trả số tiền lãi 8.000.000 đồng cho nguyên đơn. Riêng đối với số tiền lãi bị đơn đã trả vào ngày 13/4/2022, nguyên đơn thừa nhận có nhận số tiền này và đồng ý trừ đi số tiền lãi

mà bị đơn phải đóng. Tại phiên tòa nguyên đơn Ch cũng không thừa nhận việc bị đơn đã trả số tiền lãi là 8.000.000 đồng. Do đó từ những chứng cứ và phân tích nêu trên, xét thấy lời trình bày của bị đơn S đối với việc đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi 8.000.000 đồng vào ngày 13/02/2022 là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên hòa giải bị đơn S xin được trả chậm số tiền 100.000.000 đồng cho nguyên đơn cho đến khi hết nợ. Tại tòa nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả chậm. Vì vậy, yêu cầu này là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Như đã phân tích ở trên đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ch và chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 147, Khoản 1 Điều 244, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 và Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ch:

Buộc bị đơn là ông Phan Văn S có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ch tiền vốn vay là 92.656.000 đồng và tiền lãi 32.199.127 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là: 124.855.127 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Lê Thị Mỹ Ch về việc yêu cầu bị đơn là ông Phan Văn S phải trả tiền vốn và tiền lãi là 54.670.873 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn S phải chịu là 6.242.756 đồng. Nguyên đơn Ch phải chịu 2.733.543 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.420.000 đồng theo biên lai thu số 0005805 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn Ch được nhận lại số tiền còn dư là 3.686.457 đồng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ

